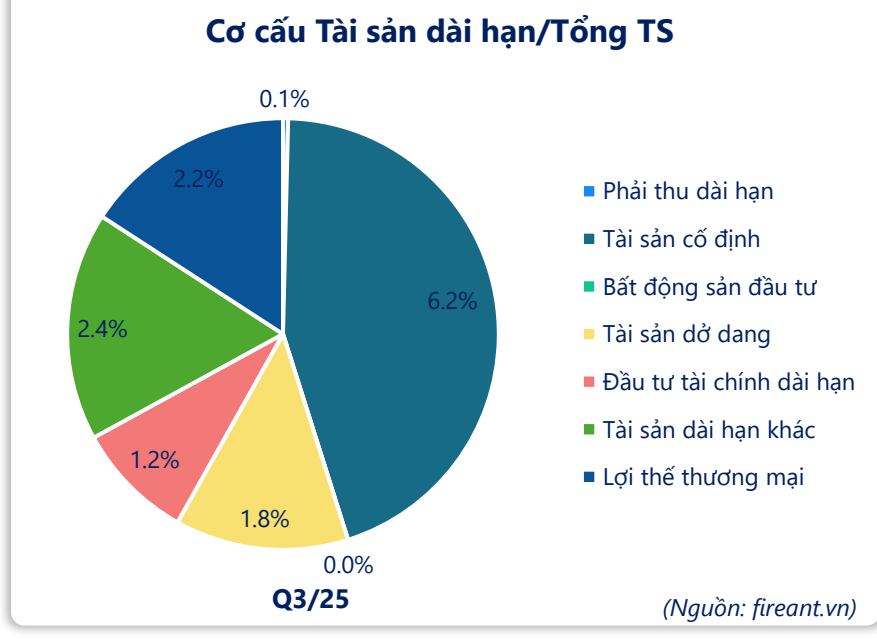
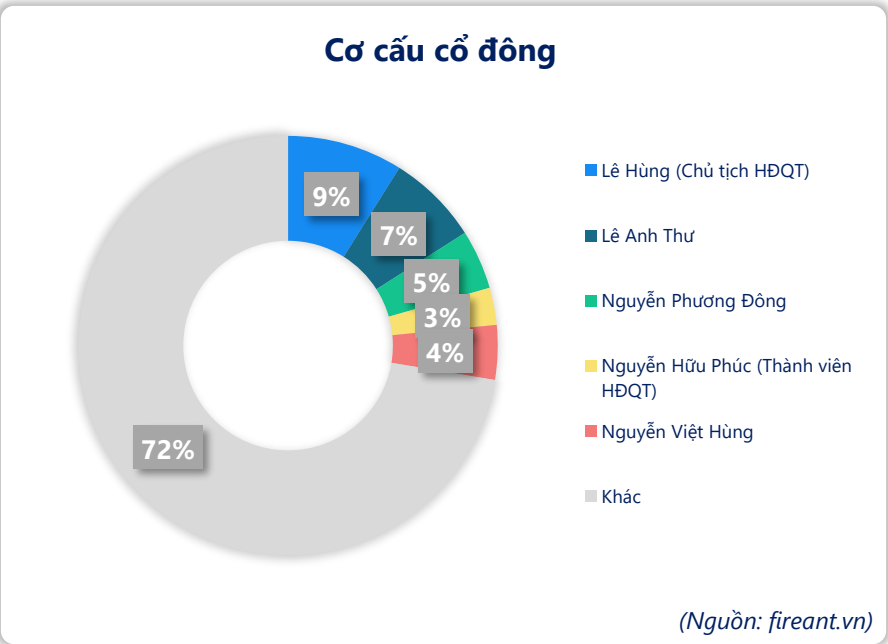
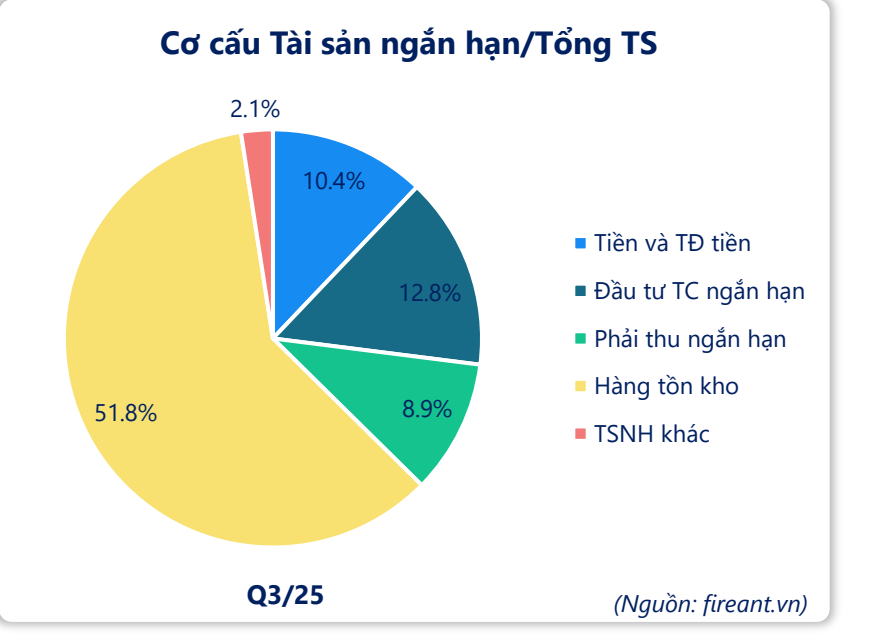
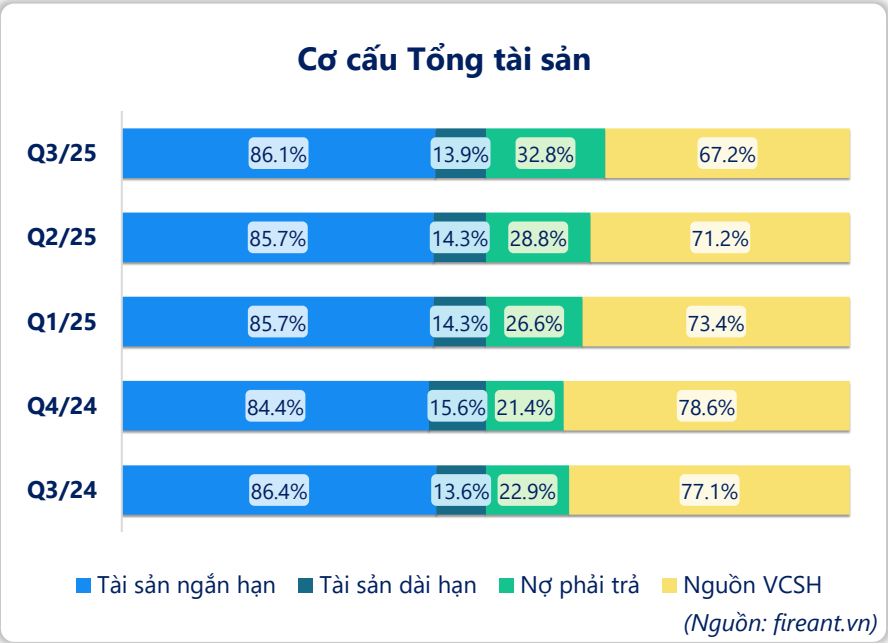
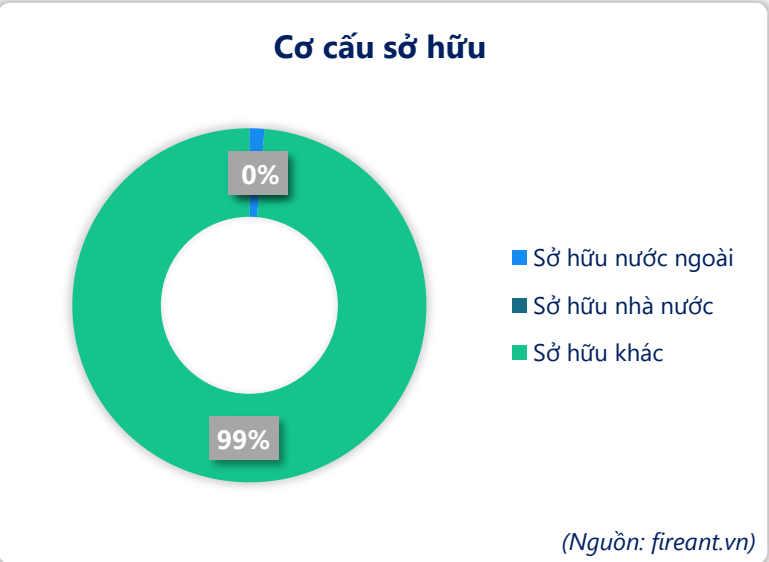
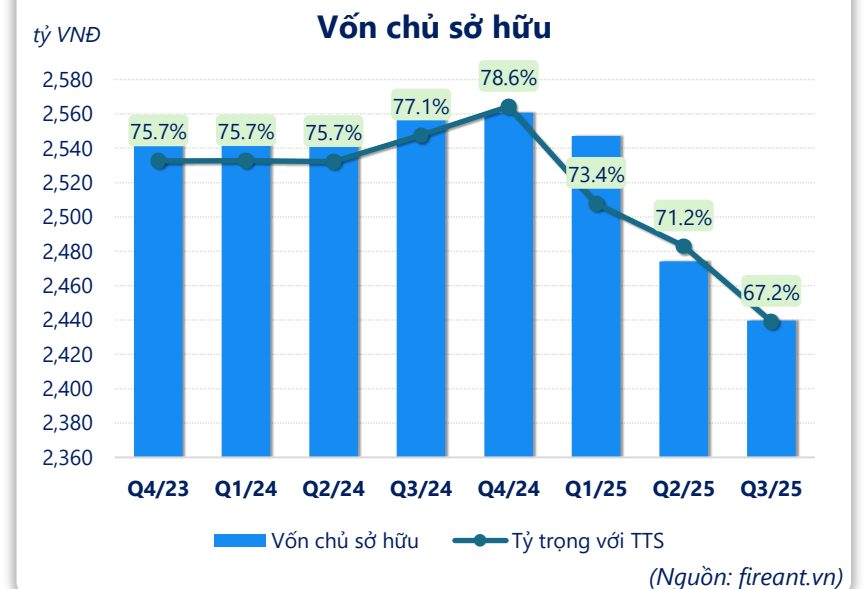
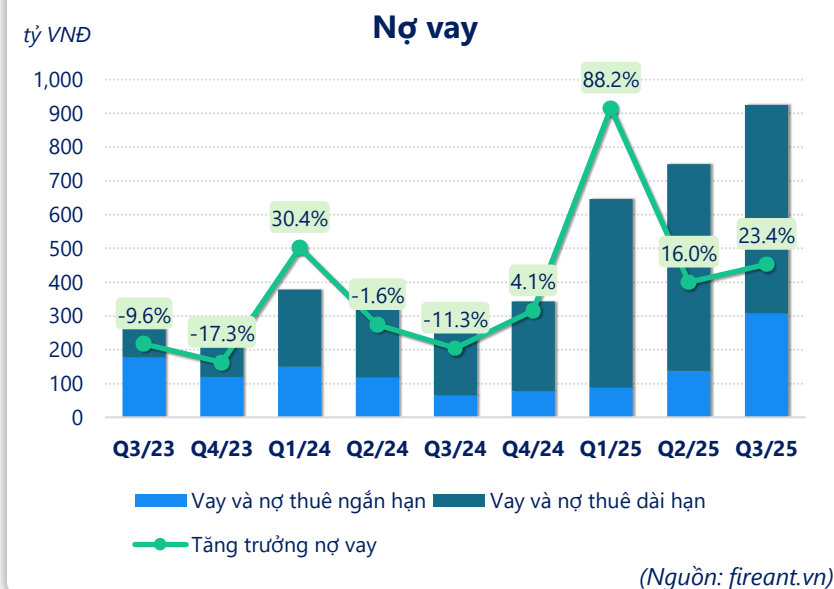
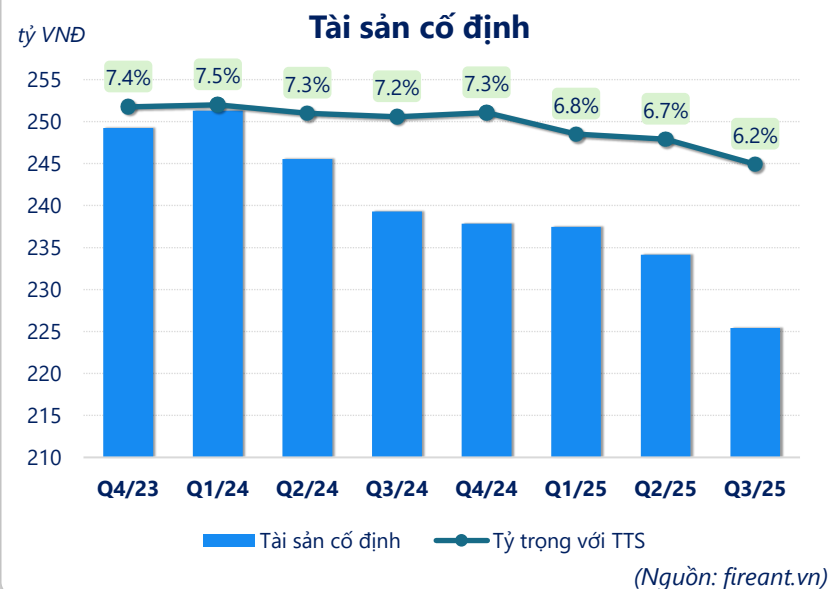
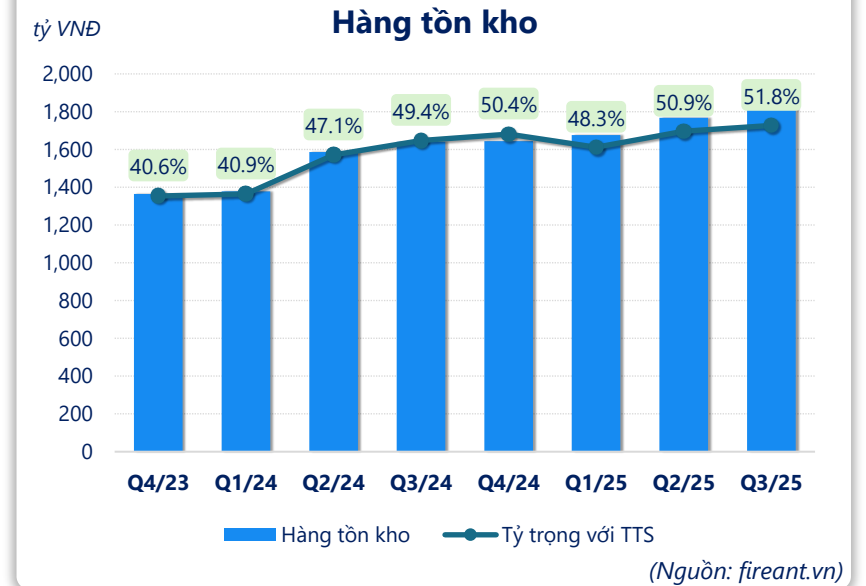
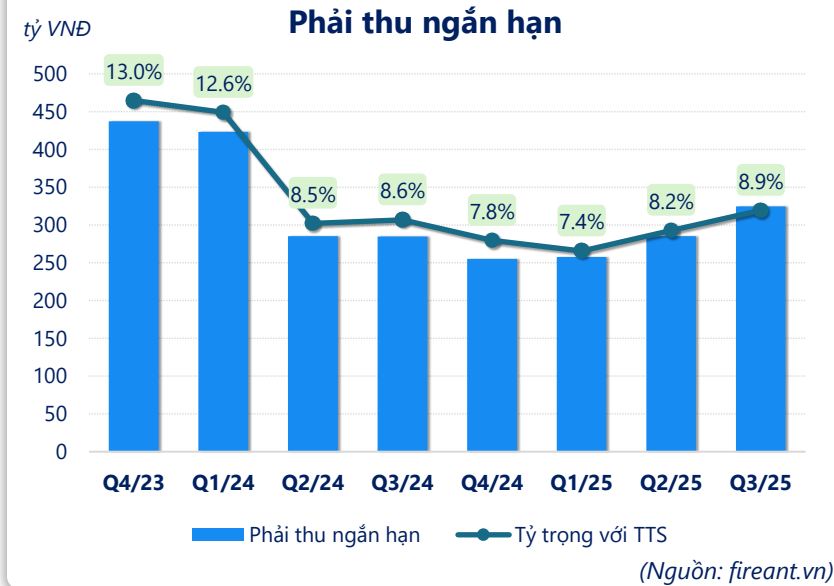
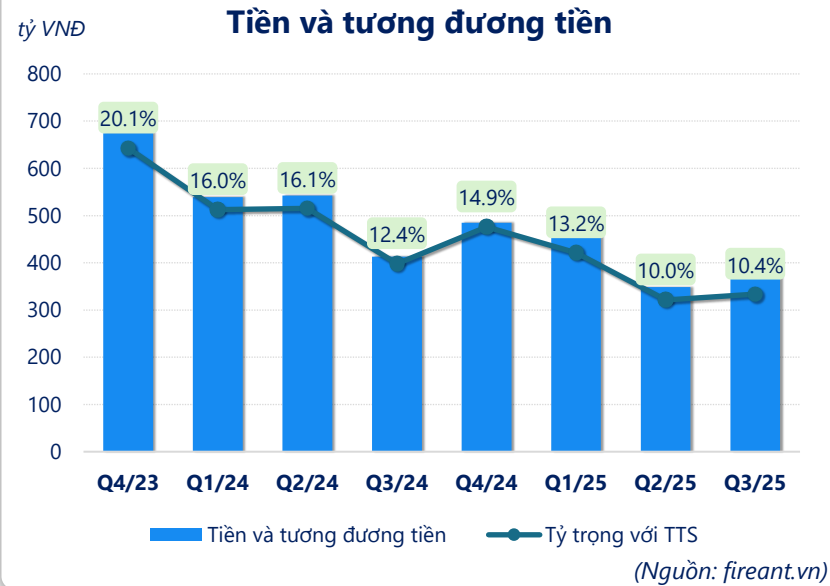
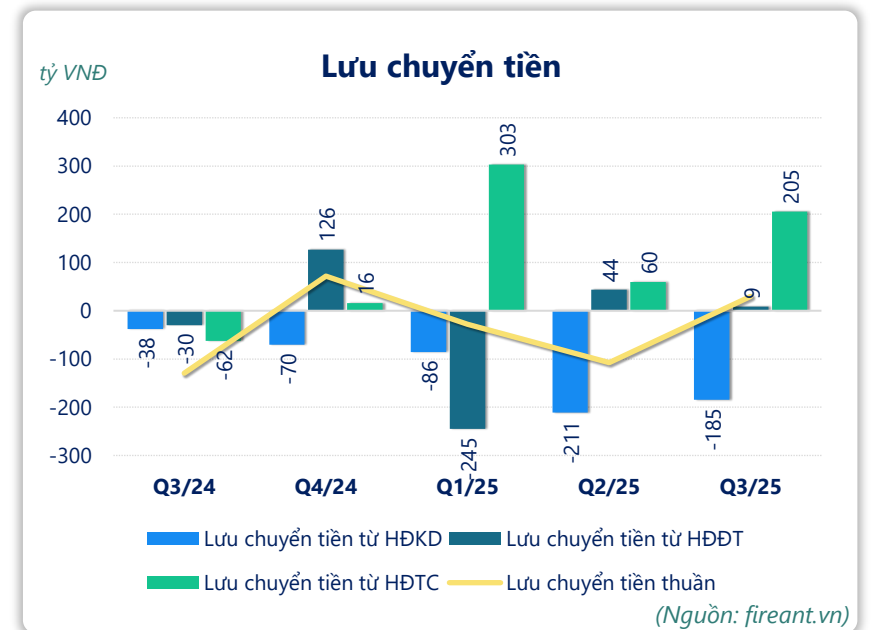
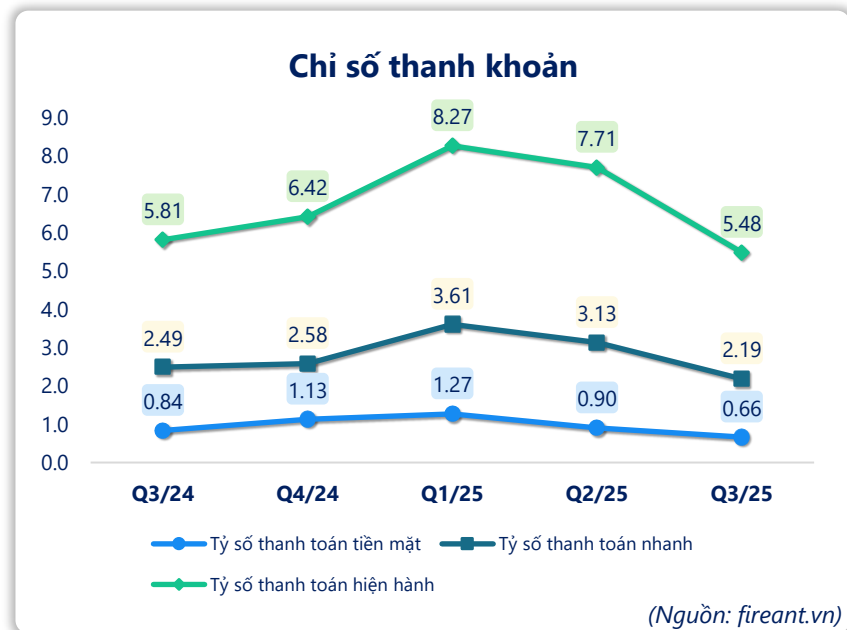
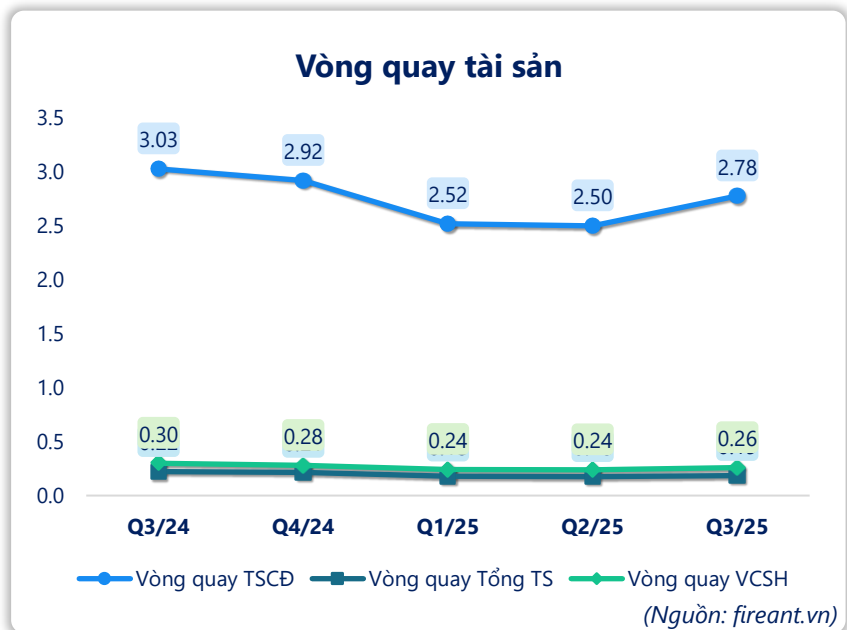
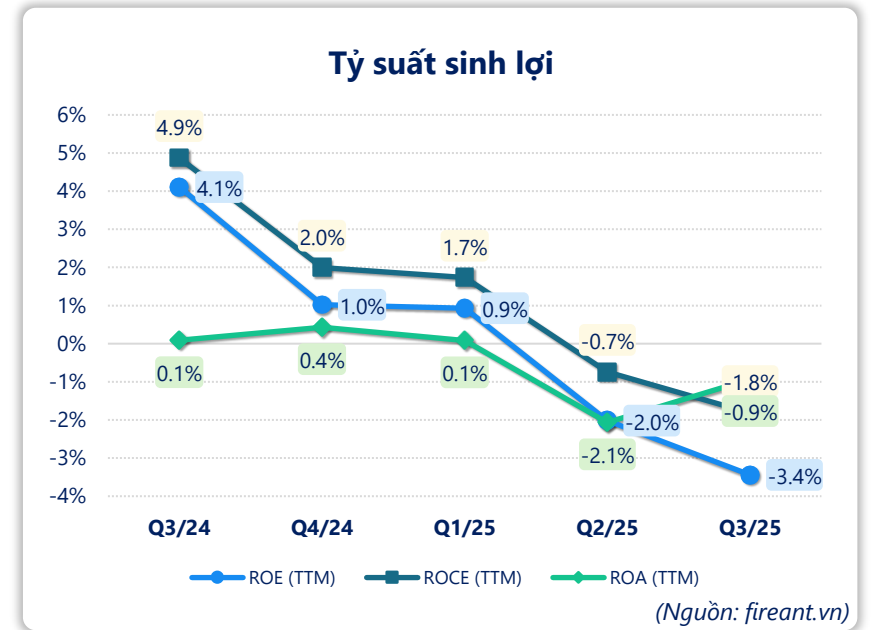
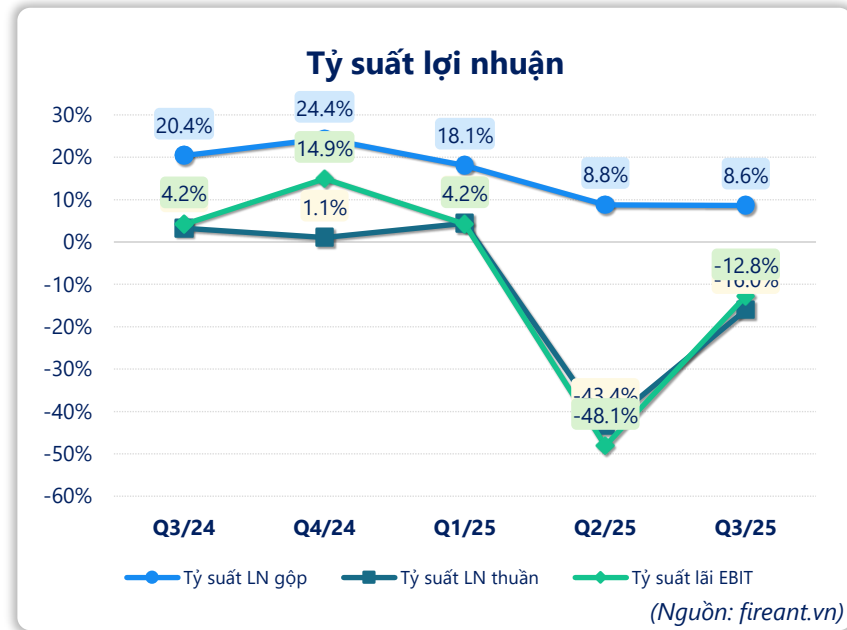
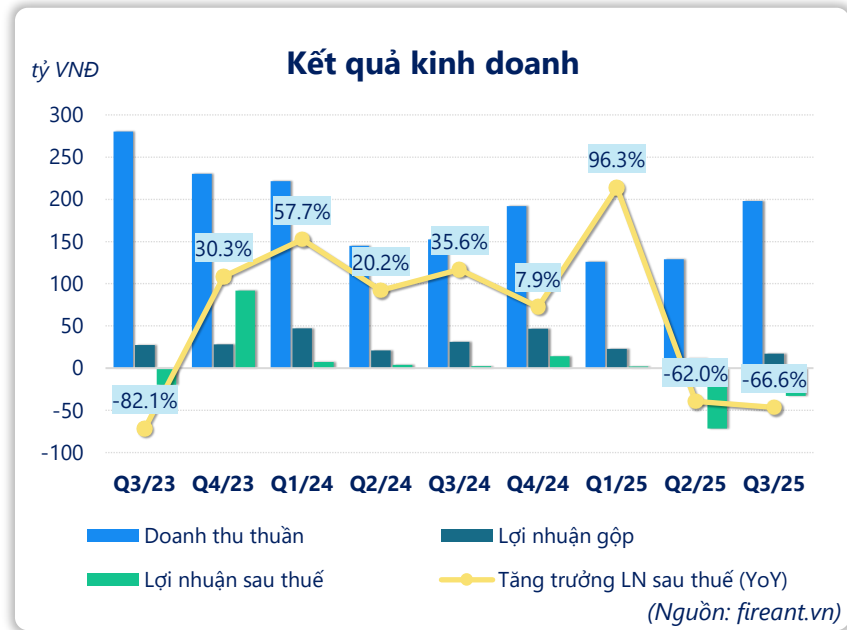


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		16,550
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		22,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		13,300
SL cổ phiếu LH		101,596,218
KLGD BQ 20 phiên (CP)		556,425
% sở hữu nước ngoài		1.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,681
P/E		-19.6
EPS		-846

	YTD	1T	3T	6T
GIL	-20.6%	-16.2%	-14.7%	-6.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,630	3,262	11.3%
Tài sản ngắn hạn	3,127	2,771	12.8%
Tiền và tương đương tiền	378	484	-21.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	466	280	66.4%
Phải thu ngắn hạn	325	272	19.5%
Hàng tồn kho	1,881	1,647	14.2%
Tài sản ngắn hạn khác	76.6	87.7	-12.6%
Tài sản dài hạn	504	491	2.6%
Phải thu dài hạn	1.92	2.06	-6.7%
Tài sản cố định	225	238	-5.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	65.5	37.3	75.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	44.8	44.9	0.0%
Tài sản dài hạn khác	86.3	76.9	12.2%
Lợi thế thương mại	79.8	91.9	-13.3%
Nợ phải trả	1,191	701	69.8%
Nợ ngắn hạn	570	432	32.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	307	76.5	301%
Phải trả người bán ngắn hạn	100	242	-58.5%
Nợ dài hạn	621	269	130%
Vay và nợ thuê dài hạn	618	267	132%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,440	2,561	-4.7%
Vốn chủ sở hữu	2,440	2,561	-4.7%
Vốn điều lệ	1,016	1,016	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	153	192	126	129	198
Giá vốn hàng bán	121	145	103	118	181
Lợi nhuận gộp	31.1	46.8	22.7	11.3	17.1
Doanh thu HĐTC	21.8	20.6	15.8	15.0	5.75
Chi phí TC	7.97	14.4	1.99	24.0	7.33
Chi phí lãi vay	0.33	0.05	0	7.37	6.39
LN trong công ty LKLD	0	-0.02	0	-0.02	0
Chi phí bán hàng	1.85	1.49	1.02	1.18	1.59
Chi phí QLDN	38.1	49.4	30.0	57.0	45.7
LN thuần từ HĐKD	4.97	2.03	5.55	-55.9	-31.8
Lợi nhuận khác	1.09	26.5	-0.23	-13.5	0.01
LN trước thuế	6.06	28.6	5.32	-69.4	-31.7
Lợi nhuận sau thuế	2.33	14.3	2.10	-71.7	-33.0
LNST của CĐ cty mẹ	2.96	14.2	2.87	-70.7	-32.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-37.6	-70.2	-86.0	-211	-185
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-29.7	126	-245	43.8	8.68
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-62.1	15.6	303	59.5	205
Tiền đầu kỳ	542	413	484	456	349
Lưu chuyển tiền thuần	-129	71.7	-28.1	-108	29.5
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.03	0.08	0	0.04	-0.04
Tiền cuối kỳ	413	484	456	349	378

(Nguồn: fireant.vn)